

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

Số: 985/QĐ-ĐHSPTDTTHN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng
diện tích nhà làm việc và công trình sự nghiệp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐT ngày 28/6/2021 về việc Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực các vị trí việc làm của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-ĐHSPTDTTHN-HĐT ngày 26/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 96/QĐ-HĐTĐHSPTDTTHN, ngày 31/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Công văn số 6293 /BGDDT-CSVC ngày 13/11/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc và công trình sự nghiệp của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (Phụ lục đính kèm). Tổng diện tích làm việc và hoạt động sự nghiệp là: 232.167 m².



Điều 2. Các đơn vị của Trường căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt thực hiện các công việc theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng; hướng dẫn các đơn vị có liên quan kịp thời rà soát báo cáo và đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng cho phù hợp với Chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2023-2030.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các ông/bà liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QT -TB.



Nguyễn Duy Quyết

10
17

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc và công trình sự nghiệp của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2023-2030

Bảng 1: Bảng tổng hợp tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng cho chức danh làm việc

Đơn vị: m²

STT	Đơn vị sử dụng, chức danh	Số lượng người tính toán	Hệ số (152/2017/NĐ-CP) (m ² /người)	Diện tích sử dụng
1	Chủ tịch hội đồng trường	1	25	25
2	Ban Giám hiệu			
2.1	Hiệu trưởng	1	25	25
2.2	Hiệu phó	3	15	45
3	Bí thư Đảng ủy trường	1	25	25
4	Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Trường	1	12	12
5	Chủ nhiệm Khoa, Viện	5	12	60
6	Trưởng Bộ môn	4	12	48
7	Trưởng phòng, ban, trung tâm, xưởng, trạm và văn phòng làm việc	13	12	156
8	Phó Trưởng phòng, ban, trung tâm, xưởng, trạm và văn phòng làm việc	16	12	192
9	Cán bộ, viên chức, người lao động khối hành chính	80	10	800
10	Giáo sư	0	18	0
11	Phó giáo sư	06	12	12
12	Giảng viên chính, giảng viên	110	10	1.100
13	Chuyên viên và các chức danh tương đương	45	10	450
14	Cá nhân ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong Nhà trường	26	7	182
	Tổng diện tích làm việc theo chức danh			3.132
	Diện tích sử dụng chung	Tính bằng 50% diện tích làm việc theo chức danh		1.566

Tổng số diện tích cần sử dụng cho chức danh làm việc là: 3.132 m².

Tổng diện tích sử dụng chung: 1.566 m² (Tính bằng 50% tổng diện tích làm việc của các chức danh, đảm bảo theo quy định tại Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP).

Bảng 2. Bảng tổng hợp tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng

Đơn vị: m²

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Diện tích (m ²)			
				Diện tích theo QCVN - TCVN	Nghị định 152/2017/NĐ-CP	Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT	Tính toán
I	Diện tích chuyên dùng						
1	Kho lưu trữ chuyên ngành của các đơn vị						
-	Kho trung tâm thư viện	mét giá tài liệu	2	1.500			600
-	Kho Trung tâm phục vụ sinh viên		3	1.000			600
-	Kho Trung tâm giáo dụcQP - AN		10	1.000			2.000
-	Kho lưu trữ tổng hợp của Nhà trường		1	1.500			300
2	Phòng chờ, tiếp chuyên gia (bao gồm cả phòng chuẩn bị)						320
-	Tiếp dân	Phòng	1	40			40
-	Trung tâm hỗ trợ và phục vụ sinh viên		1	40			40
-	Văn phòng đoàn thanh niên		1	40			40
-	Văn phòng Công đoàn		1	40			40
3	Phòng Quản trị hệ thống thông tin		3	30			90
4	Phòng tiếp nhận, sử lý và trả hồ sơ hành chính (bao gồm nơi ngồi chờ giải quyết công việc)						200

-	Tiếp dân		1	40			40
-	Trung tâm hỗ trợ và phục vụ sinh viên						
-	Văn phòng đoàn thanh niên						
-	Văn phòng Công đoàn	Phòng					
5	Hội trường trực tuyến 100 chỗ (có bàn viết)(02 hội trường)		200	1,8 m ² /chỗ			360
6	Hội trường 250 chỗ (có bàn viết) (02 hội trường)		500			1,8 m ² /chỗ	900
-	Sân khấu	Phòng	1	0,25 m ² /chỗ			125
7	Hội trường 600 chỗ	Chỗ	600			0,9 m ² /chỗ	540
-	Sân khấu	Chỗ	1	0,25 m ² /chỗ			150
-	Hành lang phục vụ hội trường	Chỗ	600	0,20 m ² /chỗ			120
-	Phòng phục vụ hội trường	Phòng	5	30 m ² /phòng			150
-	Diện tích thoát người lối ra	m ²	600	30 m ² /100 người			180

Bảng 3. Bảng tổng hợp tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp

Đơn vị: m²

	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Diện tích (m ²)			
				Diện tích theo QCVN - TCVN	Nghị định 152/2017/ NĐ-CP	Thông tư 03/2020/ TT-BGDĐT	Tính toán
A. CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP DÙNG CHO ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT							
	Giảng đường						
1.1	Giảng đường D1						792
1.2	Giảng đường 4 tầng						7.406
2	Bể bơi và công trình phụ trợ						3.540
3	Nhà tập thể thao đa năng						1.253

4	Sân cầu lông						900
5	Bóng bàn						653
6	Nhà luyện tập thi đấu thể thao đa năng						3.200
7	Nhà thí nghiệm thể chất						1.400
8	Trạm Y tế						1.650
9	Sân điền kinh						6.500
10	Sân bóng đá						10.800
11	Sân bóng rổ						3.280
12	Sân quần vợt						2.080
13	Sân bóng ném						1.300
14	Sân bóng chuyên						4.050
15	Trạm cấp nước						1.500
16	Ga ra để xe						200
17	Nhà để xe cán bộ, người học và khách						600
18	Khu dịch vụ tổng hợp						2.450
19	Sân tập golf (Kích thước: rộng 80-100m x dài 100-200m)						15.000
19.1	Khu phát bóng: kích thước tối thiểu: rộng 40 m x dài 120 m						4.800
19.2	Phòng tập golf 3D						150
20	Nhà tập thể lực						300
21	Đầu tư xây dựng Nhà tập thể thao đa năng (Trung hạn 2021 – 2025)						2.480
B. CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP ĐẶC THÙ ĐÀO TẠO TẬP TRUNG CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH							
1	Thao trường huấn luyện bắn súng kích thước (20 x 100) m/ thao trường						2.000

2	Trường Bản điện tử						10.000
	Xây dựng trường bản điện tử với 10 đường bắn tiêu chuẩn, mô hình bắn tập trung 400 chỗ, tổng diện tích xây dựng điều chỉnh: 2.000 m ² ; Trang thiết bị cơ bản, thiết bị đường bắn điện tử.						
3	Thao trường tập ném lựu đạn (60 x 100) m/ thao trường						32.000
4	Thao trường học 3 môn quân sự phối hợp.						25.200
4.1	Đường chạy KT(400 x 20) m và đường chạy thể lực dài 500 m và các hạng mục hỗ trợ .						8.000
4.2	Bãi tập bắn TLAK KT(48 x 150) m						7.200
4.3	Bãi tập ném lựu đạn Kích thước (100 x 100)m						10.000
5	Nhà ở công vụ Sĩ quan và nhà khách						2.000
6	Nhà làm việc trung tâm GDQP - AN						5.000
7	Giảng đường Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh						6.750
C	CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP DÙNG CHUNG						
1	Thư viện chuyên ngành, điện tử						4.500
-	Diện tích thư viện		1.000	3	m ² /người		3.000

-	Diện tích kho sách, các phòng phụ trợ thư viện			0,5 x diện tích thư viện			1.500
-	Phòng Hồ Chí Minh						120
-	Phòng máy tính Lối đi sẽ để khoảng 40 – 50 cm; Bàn máy 0.75 x 1.2 = 0.9 m ²		40				80
2	Ký túc xá sinh viên						28.000
-	Diện tích phòng ở KTX (Yêu cầu ở tập trung 100% số lượng sinh viên do đặc thù phải rèn luyện và học tập)		5.600	4 m ² /người			22.400
-	Diện tích khu vệ sinh phòng ở KTX (tối đa 8 người/phòng ở)		700	8 m ² /phòng			5.600
3	Khu vực căng - tin cho học viên, sinh (Đặc thù ăn tập trung)		5.000	0,7 m ² /người			3.500